Đơn vị: Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Hải Dương

Chương: 834

Mẫu biểu số 75

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH (03 THÁNG)

Quý III năm 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Hải Dương công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý III năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**3.960.956.382**	**2.338.599.422**	**59,04**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**3.960.956.382**	**2.338.599.422**	**59,04**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**1.167.700.000**	**575.960.565**	**49,32**	
	341 - Quản lý nhà nước	**1.167.700.000**	**575.960.565**	**49,32**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	1.004.200.000	510.560.565	50,84	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	163.500.000	65.400.000	40,00	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**178.986.000**	**178.986.000**	**100,00**	
	108 - Khoa học và công nghệ khác	**178.986.000**	**178.986.000**	**100,00**	
2.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	178.986.000	178.986.000	100,00	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	178.986.000	178.986.000	100,00	
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	**Chi bảo đảm xã hội**	**1.348.000.000**	**1.150.648.600**	**85,36**	
	398 - Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	**1.348.000.000**	**1.150.648.600**	**85,36**	
3.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.348.000.000	1.150.648.600	85,36	
4	**Chi hoạt động kinh tế**	**962.756.382**	**132.735.257**	**13,79**	
	281 - Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp	**463.181.630**	**132.735.257**	**28,66**	
4.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	463.181.630	132.735.257	28,66	
	338 - Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác	**499.574.752**			
4.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	499.574.752			
5	**Chi khác**	**303.514.000**	**300.269.000**	**98,93**	
	429 - Các nhiệm vụ chi khác	**303.514.000**	**300.269.000**	**98,93**	

Đơn vị: Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Hải Dương

Chương: 834

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
5.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	303.514.000	300.269.000	98,93	